

Bản án số: 440/2024/DS-PT

Ngày 19 - 6 - 2024

V/v Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế,
tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhưông - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 226/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1871/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị N, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ liên lạc: Số B đường C, khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Kim Ngọc T1, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh N1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số E, ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Kim S, sinh năm 1978. (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/. Bà Kim Thị N2, sinh năm 1986. (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Kim S, bà Kim Thị N2: Bà Kim Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

3/. Bà Kim Thị M, sinh năm 1988. (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/. Bà Kim Thị H, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Kim Thị H: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

5/. Ông Kim Sanh Đ, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6/. Ông Kim Trung T2, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

7/. Bà Kim Thị Ra Đ1, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8/. Ông Kim Đô R, sinh năm 1998. (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

9/. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh B, chức vụ: Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Kim Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị N trình bày: Nguồn gốc thửa đất 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh là của cha mẹ bà là ông Kim H1 và bà Sơn Thị C1 (ông H1 và bà C1 đã chết) mua của ông, bà ăn chung trong thân tộc. Nguyên thửa đất 1467, trước đây có tổng diện tích là 1.050m², mẹ của bà là bà Sơn Thị C1 đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đến khoảng năm 1998, do cần tiền nên mẹ của bà đã chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc S1 (đã chết) một phần với diện tích là 710m², phần diện tích còn lại là 340m² thì cha mẹ của bà vẫn quản lý, sử dụng. Đến năm 2000 thì mẹ của bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S1 để làm thủ tục tách thửa. Tuy nhiên, sau khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách thửa thì ông S1 không trả lại cho mẹ của bà. Đến năm 2014, ông S1 đã chuyển nhượng phần diện tích 710 m² (phần ông S1 đã nhận chuyển nhượng từ cha mẹ của bà trước đây) cho ông Kim Ngọc T1 và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ của bà đứng tên cho ông Kim Ngọc T1 cất giữ. Sau khi biết việc ông T1 giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ của bà đứng tên thì bà có yêu cầu ông T1 trả lại nhưng ông T1 không đồng ý trả và hiện tại phần đất còn lại của

thửa 1467 diện tích 340m² phía ông T1 cũng chiếm để sử dụng. Nay bà yêu cầu ông Kim Ngọc T1 phải trả lại cho các anh chị em của bà diện tích đất 379,9m² (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A) thuộc thửa 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu ông T1 phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên. Trường hợp ông Kim Ngọc T1 đồng ý di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại phần đất cho các anh chị em của bà thì bà đồng ý hỗ trợ tiền di dời tài sản trên đất với số tiền 40.000.000 đồng. Trường hợp ông Kim Ngọc T1 tiếp tục sử dụng đất thì bà yêu cầu ông Kim Ngọc T1 trả giá trị đất diện tích đất 379,9m² (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A) theo biên bản định giá ngày 24/10/2023 của Hội đồng định giá.

Theo đơn phản tố, lời khai của bị đơn ông Kim Ngọc T1 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Kim Ngọc T1 trình bày: Trước năm 1975 bà ngoại của ông Kim Ngọc T1 là cụ Thạch Thị H2 có canh tác, quản lý sử dụng phần đất khoảng 3.500m², do phần đất này là đất ăn chung nên em của bà ngoại của ông T1 là cụ Thạch T3 và cụ Thạch Thị X đã lấy phần đất trên cầm cho ông Kim Pa R1 và ông Thạch H3. Đến năm 1954 cha mẹ của ông T1 là ông Kim B1 và bà Kim Thị G đã chuộc lại phần đất trên bằng 50 gia lúa và quản lý sử dụng đối với phần đất trên. Vào khoảng năm 1960 Nhà nước quy khu phần đất trên và tạm cho 03 hộ (hộ Đào S2, hộ Thạch K và hộ Kim Thị S3) một phần đất trong phần đất trên để cất nhà ở, đến khoảng năm 1986 – 1987 không còn quy khu nữa nên 03 hộ trên trả lại đất cho gia đình ông T1 tiếp tục quản lý sử dụng. Đến năm 1995 ông T1 kê khai phần đất diện tích 1.120m² thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh ông T1 cứ nghĩ trong 1.120 m² này có luôn phần diện tích 340m² (thực đo 379,9m²) đang tranh chấp vì phần đất này từ trước đến nay là do gia đình ông T1 quản lý, sử dụng. Tiếp giáp với phần đất này của ông T1 là phần đất của bà Sơn Thị C1 (bà C1 là em bạn dì ruột với ông T1) thửa 1467, diện tích 1.050m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vào năm 1997 khi bà Sơn Thị C1 chuyển nhượng thửa đất 1467, diện tích 1.050m² cho ông Trầm Ngọc S1 thì ông T1 mới biết bà C1 đã được cấp quyền sử dụng đất luôn phần diện tích đất diện tích 340m² (thực đo 379,9m² đang tranh chấp) mà gia đình ông T1 đang quản lý, sử dụng nên gia đình ông T1 có khiếu nại và đã được Ban nhân dân ấp Trà Tro A thời điểm đó hòa giải. Qua hòa giải của B2 nhân dân ấp giữa ông T1 và vợ chồng bà C1 đã thống nhất phần đất của gia đình bà C1 chỉ có diện tích 710m², phía gia đình bà C1 đồng ý trả lại cho gia đình ông T1 phần diện tích 340m² (thực đo 379,9m² đang tranh chấp), từ đó hai bên thống nhất cắm ranh và sử dụng ổn định cho đến nay. Đến năm 2004, vợ chồng ông Trầm Ngọc S1 đã chuyển nhượng lại cho ông T1 phần diện tích 710m², thửa 1472 (tách từ thửa 1467) mà vợ chồng ông S1 nhận chuyển nhượng của bà C1, giữa ông T1 và vợ chồng ông S1 đã hoàn tất thủ tục sang tên đối với phần diện tích đất này. Sau đó vợ chồng ông S1 đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 340m² (thực đo 379,9m² đang tranh chấp) thuộc thửa 1467 còn đứng tên bà C1 cho ông T1 cất giữ và làm thủ tục sang tên nhưng chưa làm được, do bà C1 đã qua đời, thủ tục phải do các con của bà C1 ký xác nhận nhưng đến nay vẫn chưa làm được. Nay bà Kim Thị N là con của bà C1 căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn do bà C1

đứng tên đối với phần diện tích 340m² (thực đo 379,9m² đang tranh chấp) khởi kiện ông T1 phải trả lại phần diện thực đo 379,9m², thuộc thửa 1467 thì ông T1 không đồng ý vì phần đất này gia đình ông T1 sử dụng từ trước đến nay đã trên 40 năm, phía gia đình bà C1 chưa từng quản lý, sử dụng; khi còn sống vợ chồng bà C1 cũng thừa nhận phần đất này là của gia đình ông T1 và đã đồng ý trả lại cho gia đình ông T1. Nay ông T1 có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Sơn Thị Cán đối v thửa đất 1467, diện tích 340m² (thực đo 379,9m²), tờ bản đồ số 2, toạ lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và công nhận phần diện tích đất qua khảo sát 379,9m² (phần ký hiệu A), thuộc 1467 cho ông T1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà thông nhất lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Kim Thị N. Tại phiên tòa, ông Đặng Văn C là người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng phần đất tranh chấp phía gia đình bà Sơn Thị C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phía gia đình ông Kim Ngọc T1 không có khiếu nại gì, giấy chứng quyền sử dụng đất của bà C1, ông T1 giữ là do ông Trầm Ngọc S1 đưa cho ông T1 chứ không phải do bà C1 đưa. Còn việc ông T1 cho rằng vào năm 1997 bà C1 trả phần đất tranh chấp này cho ông T1 nhưng chưa có một thủ tục nào giao đất cho ông T1. Đối với công văn số: 1448/UBND-NC ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T nhận định trước sau không thống nhất; cần làm rõ việc đăng ký, kê khai theo tư liệu năm 1983 của bà Kim Thị G. Ngoài ra, ông T1 có đăng ký, kê khai thửa đất khác nhưng tại sao không đăng ký, kê khai phần đất tranh chấp.

Bà Kim Thị N là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim S, bà Kim Thị N2 trình bày: Các ông bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Kim Sanh Đ, ông Kim Trung T2 và bà Kim Thị Ra Đ1 trình bày: Ông, bà thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn ông Kim Ngọc T1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Kim Đô R: Không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST ngày 11 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 149, 165, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3, khoản 20 Điều 4; Điều 10; Điều 48; khoản 3 Điều 49; Điều 50; Điều 105 của luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 9, khoản 30 Điều 3; Điều 5; Điều 17; Điều 26; Điều 99; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị N yêu cầu gia đình ông Kim Ngọc T1 di dời tài sản có trên đất trả lại cho anh chị em bà N diện tích đất 379,9m² (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A) thuộc thửa 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Kim Ngọc T1.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Sơn Thị C1 ngày 28/11/1995 đối với thửa đất 1467, diện tích 340m² (thực đo diện tích đất 379,9m², theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A), tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho ông Kim Ngọc T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 379,9m² (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A), loại đất cây lâu năm, thửa 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 1472, có chiều dài 47,47m.

Hướng Tây giáp thửa 309, có chiều dài 48,66m.

Hướng Nam giáp đường huyện A (nhựa), có chiều dài 5,26m.

Hướng B3 giáp thửa 308, có chiều dài 10,83m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

Ông Kim Ngọc T1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận trên theo quyết định của bản án này sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/01/2024, nguyên đơn bà Kim Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Kim Thị N có người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn. Nguồn gốc đất của gia đình nguyên đơn, bị gia đình bị đơn lấn chiếm. Người làm chứng của trong vụ án là người thân thích của bị đơn, có mâu thuẫn với gia đình nguyên đơn nên lời khai không có giá trị.

Bị đơn ông Kim Ngọc T1 có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản trả lời việc cấp giấy cho mẹ bà N là không đúng chủ thể sử dụng đất. Nguồn gốc đất của mẹ ông T1 khai phá, có kê khai năm 1983, chưa được cấp giấy, tuy nhiên ông T1 sử dụng ổn định và cất nhà ở không ai tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị M có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông T1. Mẹ của bà N được cấp giấy năm 1995, thời điểm hòa giải năm 1997 ông T1 đã biết được đất này do mẹ nguyên đơn đã được cấp

giấy nhưng ông T1 không tranh chấp. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T1 lấn chiếm đất của gia đình nguyên đơn; các căn cứ bản án sơ thẩm nêu ra để xác định quyền sử dụng đất thuộc về gia đình ông T1 là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho tiến hành giám định chữ ký của bà C1 tại biên bản hòa giải ngày 09/8/1997.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Trung T2 trình bày: Từ năm 1980 đến nay gia đình bị đơn sống trên đất tranh chấp, xây nhà ở, trồng cây, chăn nuôi ổn định, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Kim Thị N làm trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Kim Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Kim Ngọc T1 trả lại diện tích đất lấn chiếm thực đo 379,9m², thuộc thửa 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; với lý do phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Kim H1 và bà Sơn Thị C1 (cha mẹ bà N) tạo lập, để lại. Bị đơn ông Kim Ngọc T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do phần đất tranh chấp do gia đình ông sử dụng từ trước cho đến nay đã trên 40 năm, gia đình bà C1 không sử dụng.

Xét thấy, Tài liệu năm 1983 thể hiện phần đất tranh chấp thuộc một phần của thửa 174, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.500m² do bà Lâm Thị G1 (Kim Thị G) là mẹ ông Kim Ngọc T1 kê khai, đăng ký; thuộc một phần thửa 173, tờ bản đồ số 6, diện tích 750m² do Tăng Thị Vít H4 (qua xác minh là Tăng Trí V) kê khai, đăng ký. Tuy nhiên đến ngày 28/11/1995, hộ bà Sơn Thị C1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1467, diện tích 1.050m², bao gồm cả phần đất tranh chấp. Ngày 06/4/2000 hộ bà C1 yêu cầu tách thửa 1467 thành 02 thửa 1472 diện tích 710m² và thửa 1467 diện tích còn lại là 340m². Ngày 22/6/2000, Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận việc hộ bà Sơn Thị C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trầm Ngọc S1, diện tích 710m², thửa đất

1472, tờ bản đồ số 02. Ngày 09/01/2015, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trầm Ngọc S1 đối với thửa đất 1472, tờ bản đồ số 02, diện tích 710m². Ngày 26/01/2015, Ủy ban nhân dân xã H chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trầm Ngọc S1 với ông Kim Ngọc T1 đối với thửa đất 1472, tờ bản đồ số 02, diện tích 710 m². Phần thửa đất 1467, tờ bản đồ số 02, diện tích còn lại 340m² (thực đo 379,9m²) vẫn do hộ bà Sơn Thị C1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Những người làm chứng là người dân địa phương gồm các ông/bà Dương Ngọc B4, Kim Thị T4, Thạch P, Tăng Oanh T5, Thạch R2 cũng như bà Trầm Thị C2 (con ông Trầm Ngọc S1) đều khẳng định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông bà của ông Kim Ngọc T1, bà Sơn Thị C1 để lại, phần đất tranh chấp này từ trước đến nay là do gia đình ông T1 sử dụng, cất nhà ở đã trên 40 năm; gia đình bà C1 không trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp mà chỉ sử dụng phần đất bà C1 đã chuyển nhượng cho ông Trầm Ngọc S1 làm nhà máy N3. Biên bản hòa giải ngày 09/8/1997 của Ban N4, xã H, huyện T cũng thể hiện bà Sơn Thị C1 cùng chồng là ông Kim H1 thừa nhận phần đất của gia đình bà chỉ có diện tích 710m², còn phần diện tích còn lại 340m² là của gia đình ông Kim Ngọc T1 (BL 70). Nội dung của biên bản này được ông Sơn S4 là Trưởng ban nhân áp, ông Thạch P1 là Chi hội trưởng hội nông dân ấp – người ghi biên bản thời điểm đó xác nhận là đúng. Thực tế gia đình ông Kim Ngọc T1 đã xây nhà kiên cố, các công trình xây dựng, trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ trước đến nay, không bị ai tranh chấp cho đến khi nguyên đơn khởi kiện.

Bên cạnh đó, Công văn số 1448/UBND-NC ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T đã xác định việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Sơn Thị C1 tại thửa 1467, diện tích 1.050m², tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, trong đó có phần đất đang tranh chấp mà gia đình ông Kim Ngọc T1 đã sử dụng từ trước cho đến nay là không đúng đối tượng (chủ thể) sử dụng đất. Việc gia đình bà Sơn Thị C1 không sử dụng đất nhưng được cấp giấy chứng nhận là không đúng quy định của luật đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị N về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất 340m² (đo đạc thực tế 379,9m²) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Kim Thị N không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Kim Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Kim Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DSST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng:

- Khoản 3, khoản 20 Điều 4; Điều 10; Điều 48; khoản 3 Điều 49; Điều 50; Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003;
- Khoản 9, khoản 30 Điều 3; Điều 5; Điều 17; Điều 26; Điều 99; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị N yêu cầu gia đình ông Kim Ngọc T1 di dời tài sản có trên đất trả lại cho anh chị em bà N diện tích đất 379,9m² (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A) thuộc thửa 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Kim Ngọc T1.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Sơn Thị C1 ngày 28/11/1995 đối với thửa đất 1467, diện tích 340m² (thực đo diện tích đất 379,9m², theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A), tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho ông Kim Ngọc T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 379,9m² (theo sơ đồ khảo sát ký hiệu phần A), loại đất cây lâu năm, thửa 1467, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 1472, có chiều dài 47,47m.

Hướng Tây giáp thửa 309, có chiều dài 48,66m.

Hướng Nam giáp đường huyện A (nhựa), có chiều dài 5,26m.

Hướng B3 giáp thửa 308, có chiều dài 10,83m.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo)

Ông Kim Ngọc T1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận trên theo quyết định của bản án này sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

3/. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Kim Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001535 ngày 23/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh. Đương sự đã thực hiện xong.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Đương sự (11);
- Lưu VP(3), HS(2). 21B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Thị Thu Thủy**